

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2026

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)  
ĐỢT 04 NĂM 2026**

(Địa chỉ: 624 Âu Cơ, phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 25/04/2026

Phòng kiểm tra: B1.PT01

CBCKTr1: .....

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nói)

CBCKTr2: .....

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.04.001	221A210553	Võ Văn	An	09/10/2004	Gia Lai		
2	VHU.TAB1.04.002	221A030764	Trần Văn	An	03/03/2004	Đà Nẵng		
3	VHU.TAB1.04.003	221A050021	Nguyễn Ngọc Trâm	Anh	02/01/2004	Tây Ninh		
4	VHU.TAB1.04.004	221A370306	Hồ Thị Huỳnh	Anh	09/06/2004	Vĩnh Long		
5	VHU.TAB1.04.005	211A030158	Lê Thị Tố	Anh	20/04/2003	Đà Nẵng		
6	VHU.TAB1.04.006	221A230352	Bùi Thanh Phương	Anh	31/03/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
7	VHU.TAB1.04.007	221A030359	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	27/08/2004	Lâm Đồng		
8	VHU.TAB1.04.008	221A370771	Đoàn Phạm Phương	Anh	27/08/2004	Đắk Lắk		
9	VHU.TAB1.04.009	221A290060	Trần Thị Vân	Anh	10/04/2004	Đồng Nai		
10	VHU.TAB1.04.010	211A300020	Nguyễn Ngọc Trâm	Anh	31/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
11	VHU.TAB1.04.011	221A040253	Phùng Phương	Anh	20/12/2004	Thành phố Hà Nội		
12	VHU.TAB1.04.012	211A040114	Nguyễn Thị Minh	Anh	17/03/2002	Cà Mau		
13	VHU.TAB1.04.013	221A050210	Nguyễn Thị Nhật	Ánh	11/04/2004	Lâm Đồng		
14	VHU.TAB1.04.014	221A300472	Nguyễn Khánh	Băng	02/11/2002	Thành phố Hà Nội		
15	VHU.TAB1.04.015	221A030536	Võ Thị Khánh	Băng	06/11/2004	Đồng Tháp		
16	VHU.TAB1.04.016	191A070021	Phạm Chí	Bảo	11/02/2001	An Giang		
17	VHU.TAB1.04.017	201A070201	Nguyễn Quốc	Bảo	13/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
18	VHU.TAB1.04.018	211A070004	Huỳnh Quốc	Bình	05/11/2003	Vĩnh Long		
19	VHU.TAB1.04.019	201A030678	Bùi Thị Như	Bình	13/02/2002	Phú Thọ		
20	VHU.TAB1.04.020	221A050107	Huỳnh Ngọc	Cầm	02/01/2004	Đồng Tháp		
21	VHU.TAB1.04.021	221A210012	Lê Trần Bảo	Châu	30/06/2004	Đắk Lắk		
22	VHU.TAB1.04.022	221A040071	Trần Nguyễn Hoài	Châu	04/08/2004	Gia Lai		
23	VHU.TAB1.04.023	221A100050	Nguyễn Thị Kim	Chi	05/02/2003	Thanh Hoá		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
24	VHU.TAB1.04.024	211A010006	Võ Văn	Công	14/05/2002	Gia Lai		
25	VHU.TAB1.04.025	221A080290	Lý Thị Kim	Cương	13/08/2004	An Giang		
26	VHU.TAB1.04.026	211A030687	Nguyễn Quốc	Cường	10/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
27	VHU.TAB1.04.027	221A370249	Nguyễn Nữ Anh	Đài	03/06/2004	Đắk Lắk		
28	VHU.TAB1.04.028	221A370685	Đỗ Trọng	Đại	03/10/2004	Đồng Nai		
29	VHU.TAB1.04.029	221A040470	Trần Thị Linh	Đan	24/09/2004	Lâm Đồng		
30	VHU.TAB1.04.030	221A050178	Bùi Thanh Hải	Đăng	10/10/2004	Đồng Tháp		
31	VHU.TAB1.04.031	221A040405	Đinh Thị Kiều	Diễm	21/05/2004	Quảng Ngãi		
32	VHU.TAB1.04.032	211A310003	Du Mai Ngọc	Diễm	30/12/2003	Quảng Ngãi		
33	VHU.TAB1.04.033	221A310071	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	06/02/2004	Đồng Nai		
34	VHU.TAB1.04.034	211A030927	Nguyễn Thị Quỳnh	Diễm	02/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
35	VHU.TAB1.04.035	221A040166	Huỳnh Hà Ngọc	Diễm	11/11/2004	Tây Ninh		
36	VHU.TAB1.04.036	221A050216	Trương Thị Kiều	Diễm	15/08/2004	Tây Ninh		
37	VHU.TAB1.04.037	201A030628	Phạm Trần Tân	Định	20/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
38	VHU.TAB1.04.038	221A320051	Bồ Li Ang Ka	Dịu	30/05/2004	Lâm Đồng		
39	VHU.TAB1.04.039	221A030106	Nguyễn Mỹ Nhã	Đoan	26/02/2004	Lâm Đồng		
40	VHU.TAB1.04.040	221A370791	Lê Phương	Doanh	20/02/2003	Đắk Lắk		
41	VHU.TAB1.04.041	241A370340	Dụng Bùi Xuân	Đông	19/01/2006	Lâm Đồng		
42	VHU.TAB1.04.042		Nguyễn Hoàng	Đức	15/12/1992	Đồng Tháp		
43	VHU.TAB1.04.043	201A030092	Hà Văn	Đức	09/08/2001	Lâm Đồng		
44	VHU.TAB1.04.044	221A040614	Võ Thị Ánh	Dung	23/04/2004	Khánh Hoà		
45	VHU.TAB1.04.045	221A030551	Trần Thị	Dung	31/08/2004	Thanh Hoá		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA  
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Thanh Hà**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2026

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)  
ĐỢT 04 NĂM 2026**

(Địa chỉ: 624 Âu Cơ, phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 25/04/2026

Phòng kiểm tra: B1.PT02

CBCKTr1: .....

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 10:00 - 12:00 (Nói)

CBCKTr2: .....

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.04.046	221A100188	Phạm Thị Thuỳ	Dung	20/02/2004	Đắk Lắk		
2	VHU.TAB1.04.047	221A210414	Vòng Gia	Dung	02/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
3	VHU.TAB1.04.048	231A090072	Cao Thành	Dương	15/06/2005	An Giang		
4	VHU.TAB1.04.049	211A031271	Vũ Hoàng	Duy	27/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
5	VHU.TAB1.04.050	221A040662	Nguyễn Tiểu	Duy	07/11/2004	Tây Ninh		
6	VHU.TAB1.04.051	221A070130	Danh Nguyễn Mỹ	Duyên	17/10/2004	An Giang		
7	VHU.TAB1.04.052	221A370091	Nguyễn Hoàng Thảo	Duyên	30/05/2004	Lâm Đồng		
8	VHU.TAB1.04.053	211A240054	Võ Thị Cẩm	Giang	27/11/2003	Đồng Tháp		
9	VHU.TAB1.04.054	231A230586	Nguyễn Thị Trúc	Giang	03/10/2005	Vĩnh Long		
10	VHU.TAB1.04.055	211A100086	Huỳnh	Giao	11/11/2003	Đồng Tháp		
11	VHU.TAB1.04.056	191a030130	Lương Nhật Ngân	Hà	19/03/2001	Lâm Đồng		
12	VHU.TAB1.04.057	221A230072	Tô Ngô Vân	Hà	13/05/2004	Đắk Lắk		
13	VHU.TAB1.04.058	221A230429	Nguyễn Quốc	Hạ	08/01/2004	Lâm Đồng		
14	VHU.TAB1.04.059	221A050673	Đặng Hoàng Bảo	Hân	11/07/2004	Quảng Ngãi		
15	VHU.TAB1.04.060	231A300498	Nguyễn Ngọc Gia	Hân	15/12/2005	Tây Ninh		
16	VHU.TAB1.04.061	231A040127	Phạm Thị Ngọc	Hân	19/09/2005	Tây Ninh		
17	VHU.TAB1.04.062	211A050019	Trần Gia	Hân	29/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
18	VHU.TAB1.04.063	221A210195	Nguyễn Ngọc	Hân	02/10/2004	Đồng Tháp		
19	VHU.TAB1.04.064	221A010966	Cao Thị Thuý	Hằng	16/10/2004	Đắk Lắk		
20	VHU.TAB1.04.065	211A210268	Nguyễn Tuyết	Hằng	10/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
21	VHU.TAB1.04.066	221A040149	Nguyễn Thị Kim	Hằng	02/01/2004	Tây Ninh		
22	VHU.TAB1.04.067	221A030947	Lê Thị Mỹ	Hạnh	08/07/2004	An Giang		
23	VHU.TAB1.04.068	221A031371	Nguyễn Ngọc	Hào	03/02/2004	Đắk Lắk		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
24	VHU.TAB1.04.069	221A100068	Lê Hoài	Hên	17/09/2004	Quảng Ngãi		
25	VHU.TAB1.04.070		Nguyễn Thị Thu	Hiền	18/07/1991	Thành phố Hà Nội		
26	VHU.TAB1.04.071	221A310179	Nguyễn Thị	Hiền	13/05/2004	Quảng Ngãi		
27	VHU.TAB1.04.072	221A370686	Bùi Thu	Hiền	24/12/2004	Bình Dương		
28	VHU.TAB1.04.073	221A040526	Lương Thị Thu	Hiền	23/01/2004	Đồng Nai		
29	VHU.TAB1.04.074	221A010753	Đoàn Ngọc Thu	Hiền	10/11/2004	Vĩnh Long		
30	VHU.TAB1.04.075	221A300115	Nguyễn Thị Như	Hiếu	22/03/2004	Đồng Tháp		
31	VHU.TAB1.04.076	211A031327	Đình Công	Hiếu	06/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
32	VHU.TAB1.04.077	211A030749	Hoàng Trung	Hiếu	01/05/2003	Thanh Hóa		
33	VHU.TAB1.04.078	211A030748	Nguyễn Thanh	Hiếu	16/11/2003	Gia Lai		
34	VHU.TAB1.04.079	221A031102	Nguyễn Thị Ánh	Hoa	18/07/2004	Lâm Đồng		
35	VHU.TAB1.04.080	221A070179	Lã Thị Tuyết	Hoa	02/01/2004	Đồng Nai		
36	VHU.TAB1.04.081	211A010119	Phạm Mai Huy	Hoà	26/11/2003	Đồng Nai		
37	VHU.TAB1.04.082	221A080292	Lê Minh	Hoàng	26/02/2004	Đồng Tháp		
38	VHU.TAB1.04.083	221A030869	Nguyễn Sỹ	Hoàng	30/09/2004	Lâm Đồng		
39	VHU.TAB1.04.084	221A210587	Lê Chí	Hoàng	13/03/2004	An Giang		
40	VHU.TAB1.04.085	201A030770	Lý Quốc	Hồng	30/04/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA  
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Thanh Hà**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2026

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)  
ĐỢT 04 NĂM 2026**

(Địa chỉ: 624 Âu Cơ, phường Bấy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 25/04/2026

Phòng kiểm tra: B1.PT03

CBCKTr1: .....

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nói)

CBCKTr2: .....

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.04.086	221A040291	Phạm Thị Bích	Hợp	11/09/2004	Tây Ninh		
2	VHU.TAB1.04.087	221A040546	Hồ Lê Gia	Huệ	16/11/2004	Đồng Tháp		
3	VHU.TAB1.04.088	211A010118	Nguyễn Tấn	Hưng	22/05/2003	Khánh Hoà		
4	VHU.TAB1.04.089	191A010016	Nguyễn Trọng	Hưng	31/08/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
5	VHU.TAB1.04.090	211A030240	Đỗ Thị Thanh	Hương	07/11/2003	Đồng Nai		
6	VHU.TAB1.04.091	221A371074	Đặng Nhật Quỳnh	Hương	15/10/2004	Lâm Đồng		
7	VHU.TAB1.04.092	221A030141	Nguyễn Thanh	Hường	27/07/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
8	VHU.TAB1.04.093	221A010378	Nguyễn Đăng	Huy	21/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
9	VHU.TAB1.04.094	211A010410	Bùi Quốc	Huy	04/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
10	VHU.TAB1.04.095	221A230237	Huỳnh Quốc	Huy	04/01/2004	Lâm Đồng		
11	VHU.TAB1.04.096	221A010270	Lê Quỳnh Nhật	Huy	01/11/2003	Đồng Tháp		
12	VHU.TAB1.04.097	211A030867	Trần Thanh	Huy	26/12/2003	Tây Ninh		
13	VHU.TAB1.04.098	221A300238	Nguyễn Văn	Huy	23/10/2004	Khánh Hòa		
14	VHU.TAB1.04.099	201A030768	Võ Quốc	Huy	02/09/2002	Thành Phố Hồ Chí Minh		
15	VHU.TAB1.04.100	211A080006	Lê Quang	Huy	26/12/2003	Đồng Tháp		
16	VHU.TAB1.04.101	221A210574	Trương Mỹ	Huyền	28/11/2004	Cà Mau		
17	VHU.TAB1.04.102	221A030981	Trần Thị	Huyền	20/11/2004	Lâm Đồng		
18	VHU.TAB1.04.103	221A030244	Bùi Thị Thu	Huyền	25/01/2004	Đắk Lắk		
19	VHU.TAB1.04.104	211A140320	Lương Thị Như	Huyền	07/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
20	VHU.TAB1.04.105	221A310125	Nguyễn Ngọc	Huỳnh	21/05/2004	Vĩnh Long		
21	VHU.TAB1.04.106	221A370064	Hà Thị Như	Huỳnh	24/02/2004	Tây Ninh		
22	VHU.TAB1.04.107	221A050151	Đỗ Lê Cúc	Huỳnh	18/11/2004	An Giang		
23	VHU.TAB1.04.108	211A030159	Võ Hoàng	Khang	17/11/2003	Đồng Tháp		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
24	VHU.TAB1.04.109		Trần Duy	Khang	01/10/2004	Lâm Đồng		
25	VHU.TAB1.04.110	221A040312	Nguyễn Thị Trúc	Khang	03/02/2004	Tây Ninh		
26	VHU.TAB1.04.111	221A080288	Lữ Bảo	Khanh	03/05/2004	Quảng Ngãi		
27	VHU.TAB1.04.112	211A010111	Lê Phan Văn	Khánh	17/01/2003	Quảng Trị		
28	VHU.TAB1.04.113	221A040161	Nguyễn Duy	Khánh	18/03/2004	Tây Ninh		
29	VHU.TAB1.04.114	221A270110	Mai Hồng	Khánh	29/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
30	VHU.TAB1.04.115	211A010319	Nguyễn Thị Khoa	Khôi	20/01/2003	Đồng Tháp		
31	VHU.TAB1.04.116	201A210038	Nguyễn Tường Song	Khuyên	11/03/2002	Khánh Hoà		
32	VHU.TAB1.04.117	221A320331	Trần Trung	Kiên	25/01/2004	Đắk Lắk		
33	VHU.TAB1.04.118	221A040568	Nguyễn Thị A	Kiều	13/02/2004	Lâm Đồng		
34	VHU.TAB1.04.119	221A011096	Trà Thanh	Lâm	14/10/2004	Cà Mau		
35	VHU.TAB1.04.120	221A040046	Ngô Thị Thúy	Lan	06/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
36	VHU.TAB1.04.121	221A031154	Khổng Đỗ Ngọc	Lan	29/11/2004	Đồng Nai		
37	VHU.TAB1.04.122	221A370135	Nguyễn Thị Thanh	Liên	21/12/2004	Gia Lai		
38	VHU.TAB1.04.123	221A300266	Châu Nguyễn Khánh	Linh	22/02/2004	Quảng Ngãi		
39	VHU.TAB1.04.124	221A030014	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	20/06/2004	Tây Ninh		
40	VHU.TAB1.04.125	221A030178	Nguyễn Gia	Linh	26/06/2004	Đắk Lắk		
41	VHU.TAB1.04.126	211A210151	Nguyễn Ngọc Gia	Linh	23/04/2003	Đồng Nai		
42	VHU.TAB1.04.127	211A320072	Trần Ánh Mỹ	Linh	09/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
43	VHU.TAB1.04.128	221A230360	Trần Thảo	Linh	28/05/2004	Đồng Nai		
44	VHU.TAB1.04.129	211A270025	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	18/08/2003	Gia Lai		
45	VHU.TAB1.04.130	211A031011	Lê Thị Bé Cẩm	Linh	12/08/2003	Đồng Tháp		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA  
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Thanh Hà**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2026

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)  
ĐỢT 04 NĂM 2026**

(Địa chỉ: 624 Âu Cơ, phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 25/04/2026

Phòng kiểm tra: B1.PT04

CBCKTr1: .....

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 10:00 - 12:00 (Nói)

CBCKTr2: .....

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.04.131	221A320175	Trần Hữu	Luân	03/05/2004	Đồng Tháp		
2	VHU.TAB1.04.132	221A010377	Dương Bảo	Luân	22/04/2004	Đồng Tháp		
3	VHU.TAB1.04.133	221A360194	Huỳnh Lê Trúc	Ly	07/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
4	VHU.TAB1.04.134	221A040136	Nguyễn Thị Xuân	Mai	03/02/2004	Đồng Tháp		
5	VHU.TAB1.04.135	221A330019	Nguyễn Thị	Mai	06/10/2004	Đồng Nai		
6	VHU.TAB1.04.136	211A080236	Huỳnh Minh	Mẫn	07/07/2003	Thành Phố Hồ Chí Minh		
7	VHU.TAB1.04.137	201A030774	Quan Ti	Mẫn	30/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
8	VHU.TAB1.04.138	221A370096	Trần Nguyễn Thảo	Mi	31/07/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
9	VHU.TAB1.04.139	221A040587	Nguyễn Văn Khải	Minh	27/02/2004	Tây Ninh		
10	VHU.TAB1.04.140		Nguyễn Anh	Minh	30/10/1989	Thành phố Hồ Chí Minh		
11	VHU.TAB1.04.141	221A030128	Nguyễn Hoàng	Minh	07/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
12	VHU.TAB1.04.142	221A050044	Phan Diễm	My	30/01/2004	Lâm Đồng		
13	VHU.TAB1.04.143	221A210544	Trần Hoàng	My	18/06/2004	An Giang		
14	VHU.TAB1.04.144	221A310018	Đoàn Diễm	My	11/05/2004	Cà Mau		
15	VHU.TAB1.04.145	221A050209	Võ Hồng	My	29/04/2004	Quảng Ngãi		
16	VHU.TAB1.04.146	221A030719	Trần Thị Hoàn	Mỹ	10/01/2004	Đắk Lắk		
17	VHU.TAB1.04.147	221A140635	Trần Thuý	My	20/03/2004	Cà Mau		
18	VHU.TAB1.04.148	211A050066	Sa Phi	Na	19/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
19	VHU.TAB1.04.149	211A070048	Bùi Thị Ni	Na	25/08/2003	Đà Nẵng		
20	VHU.TAB1.04.150	221A010916	Đặng Văn	Nam	10/11/2004	Lâm đồng		
21	VHU.TAB1.04.151	221A01096	Đặng Văn	Nam	10/11/2004	Lâm Đồng		
22	VHU.TAB1.04.152	221A320050	Phan Trần Hoàng	Nam	31/08/2004	An Giang		
23	VHU.TAB1.04.153	221A010388	Nguyễn Hoài	Nam	23/03/2004	Đồng Tháp		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
24	VHU.TAB1.04.154	215A010004	Nguyễn Hoàng Hải	Nam	07/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
25	VHU.TAB1.04.155	211A031266	Trịnh Xuân	Nam	12/01/2003	Thành Phố Hồ Chí Minh		
26	VHU.TAB1.04.156	221A320193	Phan Thị Tố	Nga	21/08/2004	Khánh Hoà		
27	VHU.TAB1.04.157	231A030689	Nguyễn Thúy	Nga	22/02/2005	Quảng Ngãi		
28	VHU.TAB1.04.158	221A370075	Nguyễn Thị Như	Nga	23/05/2004	Khánh Hoà		
29	VHU.TAB1.04.159	211A210008	Huỳnh Tuyết	Ngân	07/06/2003	Vĩnh Long		
30	VHU.TAB1.04.160	211A030387	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân	17/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
31	VHU.TAB1.04.161	221A230218	Trần Thị Kim	Ngân	30/10/2004	Đồng Nai		
32	VHU.TAB1.04.162	221A300112	Bùi Hoàng Kim	Ngân	13/09/2004	Đồng Tháp		
33	VHU.TAB1.04.163	221A370903	Nguyễn Thị Thuý	Ngân	17/12/2004	Tây Ninh		
34	VHU.TAB1.04.164	221A370554	Dương Diệu	Ngân	09/12/2004	Vĩnh Long		
35	VHU.TAB1.04.165	211A210134	Thân Hoàng Kim	Ngân	18/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
36	VHU.TAB1.04.166	221A210398	Hoàng Tuyết	Ngân	01/03/2004	Đà Nẵng		
37	VHU.TAB1.04.167	221A371188	Nguyễn Bách	Nghi	20/07/2004	Vĩnh Long		
38	VHU.TAB1.04.168	231A040292	Phan Bích	Ngọc	24/04/2005	Thành phố Hồ Chí Minh		
39	VHU.TAB1.04.169	221A210363	Lê Thị Bích	Ngọc	10/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
40	VHU.TAB1.04.170	221A230160	Nguyễn Hữu	Ngọc	26/07/2004	Lâm Đồng		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA  
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Thanh Hà**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2026

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)  
ĐỢT 04 NĂM 2026**

(Địa chỉ: 624 Âu Cơ, phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 25/04/2026

Phòng kiểm tra: B1.PT05

CBCKTr1: .....

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)

CBCKTr2: .....

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nói)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.04.171	221A370613	Lê Hồng	Ngọc	15/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
2	VHU.TAB1.04.172	221A371048	Ung Thanh Mỹ	Ngọc	19/10/2004	Lâm Đồng		
3	VHU.TAB1.04.173	221A360106	Nguyễn Phi Hồng	Ngọc	17/05/2004	Lâm Đồng		
4	VHU.TAB1.04.174	221A300436	Âu Hồng	Ngọc	21/06/2003	Thành phố Hà Nội		
5	VHU.TAB1.04.175		Võ Huỳnh Như	Ngọc	25/02/1994	Vĩnh Long		
6	VHU.TAB1.04.176	201A030148	Nguyễn Tấn	Nguyên	26/12/2002	Thành phố Cần Thơ		
7	VHU.TAB1.04.177	211A310173	Trần Trung	Nguyên	03/01/2004	Đồng Nai		
8	VHU.TAB1.04.178	221A100007	Trương Trần Như	Nguyên	07/07/2004	An Giang		
9	VHU.TAB1.04.179	181A080337	Võ Thành	Nhân	07/04/2000	Khánh Hòa		
10	VHU.TAB1.04.180	221A030724	Lê Lâm Uyên	Nhi	08/03/2004	Đồng Nai		
11	VHU.TAB1.04.181	221A050410	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Nhi	19/11/2004	Đồng Nai		
12	VHU.TAB1.04.182		Mai Uyên	Nhi	02/12/2002	Thành phố Hà Nội		
13	VHU.TAB1.04.183	221A270020	Văn Nguyễn Hạnh	Nhi	02/01/2004	Long An		
14	VHU.TAB1.04.184	211A040134	Lưu Tuyết	Nhi	11/09/2003	Đồng Tháp		
15	VHU.TAB1.04.185	221A270064	Trần Thị Ánh	Nhi	22/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
16	VHU.TAB1.04.186	221A050252	Phan Thị Yến	Nhi	20/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
17	VHU.TAB1.04.187	221A040279	Nguyễn Thị Yến	Nhi	02/08/2004	Đồng Tháp		
18	VHU.TAB1.04.188	231A030595	Nguyễn Thị Yến	Nhi	03/04/2005	Thành phố Hồ Chí Minh		
19	VHU.TAB1.04.189	221A050104	Nguyễn Võ Phương	Nhi	09/03/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
20	VHU.TAB1.04.190	231A110126	Phan Dương Tuyết	Nhi	09/02/2005	Tây Ninh		
21	VHU.TAB1.04.191	221A050291	Ngô Thị	Như	22/10/2004	Bắc Ninh		
22	VHU.TAB1.04.192	201A070164	Đinh Thị Chân	Như	10/02/2002	Cà Mau		
23	VHU.TAB1.04.193	201A080195	Trương Quỳnh	Như	08/04/2002	Khánh Hòa		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
24	VHU.TAB1.04.194	221a030965	Nguyễn Tô	Như	01/10/2004	Gia Lai		
25	VHU.TAB1.04.195	231A380049	Ngô Thị Thảo	Như	07/11/2005	Tây Ninh		
26	VHU.TAB1.04.196	221A030458	Nghiêm Thị	Nhung	25/08/2004	Gia Lai		
27	VHU.TAB1.04.197	211A030160	Dương Thành	Phát	04/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
28	VHU.TAB1.04.198	221A030804	Lê Văn Tiến	Phát	24/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
29	VHU.TAB1.04.199	221A300469	Nguyễn Bằng	Phi	13/01/2004	Cà Mau		
30	VHU.TAB1.04.200	221A310150	K' Ngọc	Phi	11/11/2004	Lâm Đồng		
31	VHU.TAB1.04.201	221A010053	Ngô Đông Lê	Phong	23/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
32	VHU.TAB1.04.202	221A010307	Đông Phước	Phong	10/06/2004	Thành phố Đà Nẵng		
33	VHU.TAB1.04.203	221A320074	Dương Nguyễn Hoàng	Phúc	21/07/2004	Tây Ninh		
34	VHU.TAB1.04.204	211A180007	Nguyễn Trường	Phúc	30/03/2003	Tây Ninh		
35	VHU.TAB1.04.205	221A370701	Nguyễn Thị Kim	Phụng	14/06/2003	Đồng Nai		
36	VHU.TAB1.04.206	211A030171	Nguyễn Hoàng Kim	Phụng	23/11/2003	Vĩnh Long		
37	VHU.TAB1.04.207	191A210023	Bùi Nguyễn Hoài	Phương	14/05/2001	Quảng Ngãi		
38	VHU.TAB1.04.208	221A010381	Ngân Duy	Quang	08/07/2004	Lâm Đồng		
39	VHU.TAB1.04.209		Đoàn Thị	Quê	06/09/1981	Khánh Hòa		
40	VHU.TAB1.04.210	221A310041	Hồ Minh	Quy	28/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
41	VHU.TAB1.04.211	211A010165	Chu Vi	Quý	05/05/2003	Đồng Nai		
42	VHU.TAB1.04.212	221A050009	Lâm Tuyết	Quyên	20/08/2004	An Giang		
43	VHU.TAB1.04.213	221A370824	Trương Mỹ	Quyên	26/12/2004	Đồng Tháp		
44	VHU.TAB1.04.214	221A370882	Phạm Mỹ	Quyên	06/02/2004	Khánh Hoà		
45	VHU.TAB1.04.215	221A320002	Hàng Lê Lâm	Quyên	07/05/2003	Lâm Đồng		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA  
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Thanh Hà**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2026

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)  
ĐỢT 04 NĂM 2026**

(Địa chỉ: 624 Âu Cơ, phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 25/04/2026

Phòng kiểm tra: B1.PT06

CBCKTr1: .....

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)

CBCKTr2: .....

Ký tên:.....

Chiều 15:30 - 17:30 (Nói)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.04.216	222A030860	Lê Thị Như	Quỳnh	16/03/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
2	VHU.TAB1.04.217	221A210153	Trịnh Như	Quỳnh	03/08/2004	Khánh Hoà		
3	VHU.TAB1.04.218	211A030814	Lưu Trúc	Quỳnh	27/05/2003	Cà Mau		
4	VHU.TAB1.04.219	221A040661	Phú Như	Quỳnh	26/02/2004	Khánh Hoà		
5	VHU.TAB1.04.220	211A030829	Phan Diễm	Quỳnh	28/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
6	VHU.TAB1.04.221	221A270083	Phạm Thị Như	Quỳnh	11/03/2004	Quảng Ngãi		
7	VHU.TAB1.04.222	211A110030	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	01/03/2003	Gia Lai		
8	VHU.TAB1.04.223	211A110007	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	21/01/2003	Tây Ninh		
9	VHU.TAB1.04.224	221A010563	Lê Nguyễn Mai	Sương	13/05/2004	Gia Lai		
10	VHU.TAB1.04.225	211A010028	Đặng Thành	Tài	29/06/2002	Vĩnh Long		
11	VHU.TAB1.04.226	221A080319	Lê Trần Ngân	Tâm	31/05/2004	Vĩnh Long		
12	VHU.TAB1.04.227	221A030571	Vũ Thị Thanh	Tâm	31/10/2004	An Giang		
13	VHU.TAB1.04.228	221A230118	Đỗ Duy	Tân	02/04/2004	An Giang		
14	VHU.TAB1.04.229	221A230262	Nguyễn Quốc	Thái	26/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
15	VHU.TAB1.04.230		Nguyễn Quốc	Thái	01/09/2001	Đồng Tháp		
16	VHU.TAB1.04.231	221A040683	Phạm Thị Ngọc	Thắm	29/01/2004	Đồng Tháp		
17	VHU.TAB1.04.232	201A010213	Vũ Cao	Thắng	22/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
18	VHU.TAB1.04.233	221A230074	Lê Thị	Thanh	11/09/2004	Nghệ An		
19	VHU.TAB1.04.234	211A031410	Võ Thị Kim	Thanh	07/05/2003	Tây Ninh		
20	VHU.TAB1.04.235	221A050310	Trương Thị Bích	Thanh	06/07/2004	Đồng Nai		
21	VHU.TAB1.04.236	171A070187	Nguyễn Ngọc	Thành	07/12/1999	Thành phố Hồ Chí Minh		
22	VHU.TAB1.04.237	221A030674	Nguyễn Ngọc Như	Thành	19/05/2004	Tây Ninh		
23	VHU.TAB1.04.238	231A310043	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	20/06/2005	Đồng Tháp		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
24	VHU.TAB1.04.239	221A300445	Nguyễn Thị Thu	Thảo	14/10/2003	Lâm Đồng		
25	VHU.TAB1.04.240	211A230108	Nguyễn Thị Yên	Thảo	16/01/2003	Đồng Tháp		
26	VHU.TAB1.04.241	221A371192	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	22/08/2004	Đồng Nai		
27	VHU.TAB1.04.242	221A100056	Nguyễn Ngọc Thanh	Thảo	19/07/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
28	VHU.TAB1.04.243	211A040073	Lê Thị Kim	Thi	12/04/2003	Vĩnh Long		
29	VHU.TAB1.04.244	221A230509	Thân Thị Kim	Thi	27/04/2004	Tây Ninh		
30	VHU.TAB1.04.245	221A031201	Huỳnh Thị Ngọc	Thiện	03/01/2004	Quảng Ngãi		
31	VHU.TAB1.04.246	211A050267	Lý Hoàng	Thiện	04/12/2003	Tây Ninh		
32	VHU.TAB1.04.247	221A010514	Huỳnh Trường	Thịnh	03/02/2004	Tây Ninh		
33	VHU.TAB1.04.248	221A050197	Nguyễn Thị Kim	Thoa	09/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
34	VHU.TAB1.04.249	211A010083	Phan Huy	Thông	23/03/2003	Vĩnh Long		
35	VHU.TAB1.04.250	221A210424	Bùi Thị Hoài	Thu	29/07/2004	Gia Lai		
36	VHU.TAB1.04.251	221A080380	Nguyễn Kiều Hồng	Thu	16/07/2004	An Giang		
37	VHU.TAB1.04.252	211A030269	Phạm Minh	Thư	16/01/2003	Tây Ninh		
38	VHU.TAB1.04.253	221A170649	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	04/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
39	VHU.TAB1.04.254	221A100006	Nguyễn Vũ Anh	Thư	08/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
40	VHU.TAB1.04.255	221A310233	Liễu Thị Anh	Thư	28/09/2004	Đồng Tháp		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA  
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Thanh Hà**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2026

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)  
ĐỢT 04 NĂM 2026**

(Địa chỉ: 624 Âu Cơ, phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 25/04/2026

Phòng kiểm tra: B1.PT07

CBCKTr1: .....

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)

CBCKTr2: .....

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nói)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.04.256	221A050091	Nguyễn Anh	Thư	13/11/2004	Cà Mau		
2	VHU.TAB1.04.257	211A080162	Đào Thị Anh	Thư	27/05/2003	Tây Ninh		
3	VHU.TAB1.04.258	231A100143	Nguyễn Thị Hoài	Thương	03/07/2005	Gia Lai		
4	VHU.TAB1.04.259	221A230259	Phan Văn Hoài	Thương	27/10/2004	Đồng Tháp		
5	VHU.TAB1.04.260	221A370071	Nguyễn Thanh	Thuý	09/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
6	VHU.TAB1.04.261	221A030273	Đàm Thị	Thuý	14/05/2004	An Giang		
7	VHU.TAB1.04.262	221A300265	Trần Thị Xuân	Thùy	12/05/2004	Quảng Ngãi		
8	VHU.TAB1.04.263	201A140296	Nguyễn Thị Oanh	Thủy	03/05/2002	Lâm Đồng		
9	VHU.TAB1.04.264	221A360122	Võ Thị Thu	Thùy	18/03/2004	Quảng Ngãi		
10	VHU.TAB1.04.265	221A040228	Chu Phạm Mai	Thy	05/11/2004	Lâm Đồng		
11	VHU.TAB1.04.266	221A100052	Võ Khánh	Thy	03/09/2004	An Giang		
12	VHU.TAB1.04.267	221A230216	Dương Thị Cẩm	Tiên	14/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
13	VHU.TAB1.04.268	221A320262	Võ Thị Kim	Tiên	29/06/2004	Tây Ninh		
14	VHU.TAB1.04.269	221A371126	Trần Thị Thủy	Tiên	06/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
15	VHU.TAB1.04.270	221A230319	Bùi Minh	Tiến	15/02/2003	Đồng Nai		
16	VHU.TAB1.04.271	201A030428	Ngô Quang	Tiến	23/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
17	VHU.TAB1.04.272	231A030683	Võ Đặng Huỳnh	Trâm	05/05/2005	Vĩnh Long		
18	VHU.TAB1.04.273	221A320071	Lê Ngọc	Trâm	01/11/2004	Vĩnh Long		
19	VHU.TAB1.04.274	221A040256	Đặng Thị Bích	Trâm	02/08/2004	An Giang		
20	VHU.TAB1.04.275	221A300067	Phạm Kiều	Trâm	03/10/2004	Quảng Ngãi		
21	VHU.TAB1.04.276	221A050438	Nguyễn Thị Quế	Trân	16/10/2004	Vĩnh Long		
22	VHU.TAB1.04.277	221A320327	Huỳnh Lê Bảo	Trân	26/04/2004	Vĩnh Long		
23	VHU.TAB1.04.278	211A300021	Trịnh Quốc Hải	Trân	03/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
24	VHU.TAB1.04.279	221A080247	Nguyễn Ngọc Huyền	Trân	14/06/2004	An Giang		
25	VHU.TAB1.04.280	221A050442	Trần Kim	Trang	06/02/2004	Cà Mau		
26	VHU.TAB1.04.281		Nguyễn Huyền	Trang	11/01/1998	Vĩnh Long		
27	VHU.TAB1.04.282	221A050022	Lê Thị Thu	Trang	04/04/2004	Tây Ninh		
28	VHU.TAB1.04.283	221A210582	Nguyễn Vũ Thùy	Trang	17/12/2004	Đồng Nai		
29	VHU.TAB1.04.284	211A031363	Bùi Ngọc Kiều	Trang	07/08/2003	Đồng Tháp		
30	VHU.TAB1.04.285	221A210152	Đoàn Thị Huế	Trinh	16/06/2003	Khánh Hoà		
31	VHU.TAB1.04.286	221A050283	Nguyễn Thị Tú	Trinh	17/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
32	VHU.TAB1.04.287	221A230234	Nguyễn Thị Tú	Trinh	28/04/2004	Đồng Tháp		
33	VHU.TAB1.04.288	221A050123	Nguyễn Ngọc	Trinh	03/09/2004	Đồng Tháp		
34	VHU.TAB1.04.289	211A300086	Trần Thị Thanh	Trọng	21/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
35	VHU.TAB1.04.290	211A330039	Vũ Ngô Thanh	Trúc	17/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
36	VHU.TAB1.04.291	221A370094	Nguyễn Như	Trúc	25/07/2004	Tây Ninh		
37	VHU.TAB1.04.292	221A030016	Huỳnh Thị Thanh	Trúc	05/10/2004	Đồng Nai		
38	VHU.TAB1.04.293	221A100043	Ngô Ngọc Thảo	Trúc	20/02/2004	Bình Dương		
39	VHU.TAB1.04.294	211A270016	Huỳnh Nhã	Trúc	28/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
40	VHU.TAB1.04.295	211A230029	Nguyễn Tuấn	Trường	16/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
41	VHU.TAB1.04.296	221A080043	Nguyễn Thành	Tú	01/11/2004	Đồng Tháp		
42	VHU.TAB1.04.297	211A010413	Phạm Nhật	Tuấn	19/02/2003	Thành phố Đà Nẵng		
43	VHU.TAB1.04.298	201A010053	Nguyễn Đức	Tuấn	09/06/2002	Khánh Hòa		
44	VHU.TAB1.04.299	221A080303	Đặng Thanh	Tùng	10/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
45	VHU.TAB1.04.300	221A030548	Huỳnh Thị Mộng	Tuyền	19/05/2004	Tây Ninh		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA  
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Thanh Hà**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2026

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)  
ĐỢT 04 NĂM 2026**

(Địa chỉ: 624 Âu Cơ, phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 25/04/2026

Phòng kiểm tra: B1.PT08

CBCKTr1: .....

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)

CBCKTr2: .....

Ký tên:.....

Chiều 15:30 - 17:30 (Nói)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.04.301	211A031344	Nguyễn Ngọc Thanh	Tuyền	02/05/2003	Gia Lai		
2	VHU.TAB1.04.302	221A030424	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	08/07/2004	Đắk Lắk		
3	VHU.TAB1.04.303	211A030411	Huỳnh Phương	Uyên	06/11/2003	Cà Mau		
4	VHU.TAB1.04.304	221A370106	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Uyên	24/04/2004	Gia Lai		
5	VHU.TAB1.04.305	221A080110	Nguyễn Thị Phương	Uyên	02/10/2004	An Giang		
6	VHU.TAB1.04.306	221A100115	Nguyễn Phương	Uyên	06/11/2004	Lâm Đồng		
7	VHU.TAB1.04.307	221A210224	Thiều Thị Phương	Uyên	11/01/2004	Lâm Đồng		
8	VHU.TAB1.04.308	211A300054	Trần Ngọc	Uyên	22/05/2003	Thành Phố Hồ Chí Minh		
9	VHU.TAB1.04.309	221A031281	Trần Thị Ánh	Vân	19/01/2004	Lâm Đồng		
10	VHU.TAB1.04.310	221A040096	Hồ Thị Hồng	Vân	05/07/2004	Tây Ninh		
11	VHU.TAB1.04.311	211A030996	Ngô Khánh	Vân	31/10/2003	Thành phố Cần Thơ		
12	VHU.TAB1.04.312	211A040026	Trần Thị Thanh	Vân	23/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
13	VHU.TAB1.04.313	221A230422	Nguyễn Ái	Vi	02/04/2004	Quảng Ngãi		
14	VHU.TAB1.04.314	221A320095	Lê Trần Thảo	Vi	12/06/2004	Tây Ninh		
15	VHU.TAB1.04.315	221A210562	Lê Thị Tường	Vi	05/10/2004	Vĩnh Long		
16	VHU.TAB1.04.316	221A210307	Phạm Thế	Vinh	29/03/2004	Đắk Lắk		
17	VHU.TAB1.04.317	211A010056	Nguyễn Triệu	Vương	24/03/2003	Khánh Hoà		
18	VHU.TAB1.04.318	231A040224	Lê Ngọc Thúy	Vy	15/04/2005	Bình Dương		
19	VHU.TAB1.04.319	221A210030	Trương Thị Tường	Vy	01/08/2004	An Giang		
20	VHU.TAB1.04.320	211A050155	Lê Trần Thảo	Vy	10/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
21	VHU.TAB1.04.321	231A380090	Thạch Ngọc Kiều	Vy	02/10/2005	Đồng Nai		
22	VHU.TAB1.04.322	231A210293	Đoàn Nguyễn Khánh	Vy	29/05/2005	Tây Ninh		
23	VHU.TAB1.04.323	231A210576	Nguyễn Lê Khánh	Vy	20/06/2005	Thành phố Hồ Chí Minh		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
24	VHU.TAB1.04.324	211A190017	Lê Thị Trường	Vy	26/06/2002	Lâm Đồng		
25	VHU.TAB1.04.325	221A210595	Nguyễn Thị Thuý	Vy	17/04/2004	Vĩnh Long		
26	VHU.TAB1.04.326	221A370547	Nguyễn Trúc	Vy	01/08/2004	Đồng Tháp		
27	VHU.TAB1.04.327	201A210040	Đoàn Phương	Vy	12/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
28	VHU.TAB1.04.328	221A050674	Nguyễn Xuân	Vy	15/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
29	VHU.TAB1.04.329	221A031009	Lê Thị Thuý	Vy	13/12/2004	Gia Lai		
30	VHU.TAB1.04.330	211A070044	Đặng Tuyết	Vy	13/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
31	VHU.TAB1.04.331	221A371124	Phan Lê Tường	Vy	18/08/2004	Lâm Đồng		
32	VHU.TAB1.04.332	211A210061	Lê Quỳnh Khánh	Vy	24/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
33	VHU.TAB1.04.333	221A031249	Lê Thị Tường	Vy	26/07/2004	Đà Nẵng		
34	VHU.TAB1.04.334		Trương Ngọc Bảo	Vy	21/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
35	VHU.TAB1.04.335	221A300447	Lý Ngọc	Xuân	17/11/2004	Thành phố Cần Thơ		
36	VHU.TAB1.04.336	211A100013	Trần Thị Như	Ý	19/05/2003	Đồng Tháp		
37	VHU.TAB1.04.337	231A380087	Đặng Như	Ý	17/06/2001	Đồng Tháp		
38	VHU.TAB1.04.338	221A371195	Đỗ Phan Như	Ý	17/09/2004	Đắk Lắk		
39	VHU.TAB1.04.339	221A140534	Nguyễn Thị Thu	Yên	20/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
40	VHU.TAB1.04.340	221A010017	Vũ Đoàn Hải	Yên	14/12/2004	Đồng Nai		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA  
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Thanh Hà**